

Số/ No: 150/2025/TN-ETSC	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 24/01/2025 Trang/ Page: 1/2
--------------------------	--	--

1. Khách hàng yêu cầu: <i>Customer:</i>	CÔNG TY TNHH VẬN HÀNH PHÁT ĐIỆN CHD VIỆT NAM Số 17, Dãy 13 căn lô 3, Khu 98 căn, Khóm 1, Phường 1, Thị xã Đuyên Hải, Tỉnh Trà Vinh	
2. Địa chỉ thử nghiệm: <i>Place of test:</i>	PTN - ETSC	
3. Đối tượng thử nghiệm: <i>Object:</i>	Bộ tiếp đất di động hạ thế <i>Low voltage mobile earthing</i>	
4. Số lượng/ Vị trí lắp đặt: <i>Quantity/Installation location:</i>	01 Thiết bị/ 01 <i>Equipment</i>	
5. Phương pháp thử nghiệm: <i>Method of testing:</i>	- TN/QT-02; - Theo yêu cầu của khách hàng/ <i>At the request of customers;</i> - Tài liệu NSX/ <i>Manufacturer's documentation.</i>	
6. Thời gian thực hiện: <i>Inspection Date:</i>	22÷23/01/2025	
7. Thông số kỹ thuật: <i>Specification:</i>	Loại/ <i>Type:</i>	BỘ DÂY TIẾP ĐẤT 400V
	Năm sản xuất/ <i>Date of manufacture:</i>	08
	Điện áp làm việc/ <i>Work voltage:</i>	0,4 kV
	Tần số/ <i>Frequency:</i>	50/60 Hz
	Số quản lý/ <i>Serial No:</i>	Không rõ/ <i>NA</i>
	Nhà sản xuất/ <i>Manufacture:</i>	China
8. Phương tiện thử nghiệm: <i>Testing equipment:</i>	Kyoritsu 3125A; DTE 70/50D; HZXC-10HZJ; UTQ1; HLY-200C; Fluke 355.	
9. Điều kiện môi trường: <i>Environmental conditions:</i>	(32 ± 2) °C ; (60 ± 5) % RH	
10. Kết quả thử nghiệm: <i>Testing result:</i>	Xem trang sau <i>See next page</i>	
11. Tem thử nghiệm: <i>Testing stamp No:</i>	78/25/ETSC	
12. Kết luận <i>Conclusion</i>	Bộ tiếp đất di động hạ thế nêu trên đạt tiêu chuẩn kỹ thuật / <i>The above Low voltage mobile earthing kit meets technical standards</i>	
13. Khuyến cáo thời hạn thử nghiệm lần sau: <i>Recommended next testing period:</i>	01/2026	

Người Thực Hiện

Executor

Executor



Nguyễn Đức Tiến Luyện

GIÁM ĐỐC

Director



Nguyễn Quốc Hoàn



TN/QT-02/M1

Ban hành lần 2

 Số/ No: 150/2025/TN-ETSC CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH VÀ THỬ NGHIỆM ĐIỆN MIỀN NAM	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CERTIFICATE OF TESTING	Ngày/ Date: 24/01/2025 Trang/ Page: 2/2
---	--	--

Nội dung kết quả đo mục 10 trang 1
 Content of measured results 10 page 1

10.1 Kiểm tra trực quan / Visual check: Không phát hiện bất thường/ Pass.

Stt No	Đối tượng đo Measuring object	So sánh tham chiếu Compare reference	Kết quả Result	Đánh giá Assess
1	Nhãn mác/ Label	Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal	Còn tốt/ Good	Đạt/ Ok
2	Kiểm tra hiện trạng bên ngoài/ Check the equipments exterior	Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal	Còn tốt/ Good	Đạt/ Ok
3	Bề mặt cách điện/ Insulation surface	Nguyên vẹn, không bị hư hại/ Intact, not abnormal	Còn tốt/ Good	Đạt/ Ok

10.2 Kiểm tra kích thước hình học/ Check geometric dimensions:

Stt No	Đối tượng Object	Đơn vị Unit	Công bố của nhà sản xuất Manufacturer's announcement	Kết quả Result
1	Chiều dài dây/ Length			
	Dây chung	mm	/	2.000
	Phase A	mm	/	1.000
	Phase B	mm	/	1.000
	Phase C	mm	/	1.000
	Phase D	mm	/	1.000
2	Đường kính dây dẫn/ Diameter	mm2	16	/

10.3 Đo điện trở tiếp xúc/ Resistance measurement:

Mẫu Sample	Tiêu chí thử nghiệm Testing items	Kết quả/ Result ($\mu\Omega$)				
		Kẹp chung	Phase A	Phase B	Phase C	Phase D
1	Đo điện trở tiếp xúc đầu kẹp Contact resistance measurement	134	135	135	136	135

10.4 Thử nghiệm điện áp tăng cao tần số công nghiệp/ High voltage test at 50Hz

Đối tượng đo The object of measurement	Điện áp thử nghiệm The voltage of testing	Thời gian thử nghiệm The time of testing	Kết quả đo Measurement results
(A+B+C+D+Chung) - Vô	3,5 kV	5 phút	Chịu được/ Pass

10.5 Thử nghiệm dòng điện ngắn mạch/ High voltage test at 50Hz

Đối tượng đo The object of measurement	Dòng điện thử nghiệm The current of testing	Thời gian thử nghiệm The time of testing	Kết quả đo Measurement results
(A + B + C+D) - Chung	3,5 kA	1 s	Chịu được/ Pass